

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2026

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tâm;

Ông Hà Bảo Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần M, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng).

Căn cước công dân số: 096064003907; cấp ngày 07/01/2025.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094175014242; cấp ngày 29/12/2022.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần M trình bày:

Về hôn nhân: Ông M tự nguyện lập gia đình với bà Lê Thị T từ năm 2000 đến nay, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và không có tiếng nói chung. Ông M và bà T không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thị Mỹ T1, sinh ngày 16/02/2007 (nữ). Khi ly hôn con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng, tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Lê Thị T:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Ông Trần M yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị T nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà T cư trú tại ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ông Trần M có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M là phù hợp.

Đối với bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần M và bà Lê Thị T chung sống với nhau vào năm 2000 đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà không sống chung từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian không sống chung cũng không giải quyết được mâu thuẫn, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông M và bà T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng bà T vẫn không tham gia, chứng tỏ bà T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với ông M. Mặc khác, ông M và bà T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình và theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông M và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thị Mỹ T1, sinh ngày 16/02/2007 (nữ). Khi ly hôn Trần Thị Mỹ T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu

cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, do ông M là người cao tuổi, ông M có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên được miễn nộp toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần M và bà Lê Thị T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thị Mỹ T1, sinh ngày 16/02/2007 (nữ). Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Trần Muôn .

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân

4

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân